

BCH PCTT VÀ TKCN QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /PCTTTKCN

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 02 năm 2021

V/v xác nhận diện tích chiếm đất của
công trình: Khắc phục, chống sạt lở
bờ sông Phũ, xã Nghĩa Trung, huyện
Tư Nghĩa

Kính gửi: UBND xã Nghĩa Trung

Trong quá trình chuẩn bị triển khai thi công Dự án Khắc phục, chống sạt lở bờ sông Phũ, xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi (Chủ đầu tư) phối hợp với UBND xã Nghĩa Trung vận động các hộ dân có đất bị ảnh hưởng do thực hiện Dự án tự nguyện hiến đất với diện tích hiến đất theo hồ sơ thiết kế đã được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 354/SNNPTNT ngày 11/7/2019.

Trong quá trình thi công dự án, Chủ đầu tư có điều chỉnh tìm tuyến công trình về phía sông (tại Quyết định số 01/QĐ-PCTTTKCN ngày 18/5/2020 của Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi) nên diện tích chiếm đất của công trình giảm so với diện tích trong Đơn tự nguyện hiến đất của hộ dân đã được địa phương và Chủ đầu tư dự án xác nhận.

(Cụ thể có phụ lục kèm theo)

Văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị UBND xã Nghĩa Trung xem xét và có văn bản đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh huyện Tư Nghĩa điều chỉnh giảm diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế công trình chiếm đất (tại cột 9 của phụ lục)./.

Nơi nhận: *phu*

- Như trên;
- Lưu: HC-TH.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Wô Quốc Hùng
Vô Quốc Hùng

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH HIỆN ĐẤT, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM ĐẤT

Dự án: Khắc phục, chống sạt lở bờ sông Phú, xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa

Địa điểm: Xã Nghĩa Trung, TT. La Hà, huyện Tư Nghĩa

STT	Chủ sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	GCN QSD đất	Diện tích (m2)			Ghi chú
						Trích lục	Hiện đất theo đơn	Công trình chiếm đất thực tế (xác định trên HS kỹ thuật)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Huỳnh Ân	11	126	BHK	CH06110	262,2	193,0	192,3	
2	Huỳnh Thị Quơn	11	127	LUC	CH06561	352,7	53,1	37,1	
3	Phan Đình Tuân	11	175	LUC	CH06692	365,5	101,3	97,8	
4	Bùi Tá Nhạn	11	177	LUC	CH06499	395,1	49,4	46,8	
5	Bùi Tá Sốt	11	196	LUC	CH06582	398,0	102,4	93,6	
6	Phan Thanh Hải	11	833	LUC	CH06281	271,5	66,1	64,3	

sh